

Số: 12/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua danh mục các dự án, công trình  
thu hồi đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng  
sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh (đợt 02) năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH  
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Xét Tờ trình số 1258/TTr-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2026, Tờ trình số 1374/TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2026, Tờ trình số 1459/TTr-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2026, Tờ trình số 1517/TTr-UBND ngày 16/4/2026, Tờ trình số 1596/TTr-UBND ngày 22/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 1543/UBND-TC ngày 18 tháng 4 năm 2026, Văn bản số 1548/UBND-XDMT ngày 22 tháng 4 năm 2026, Văn bản số 1636/UBND-XDMT ngày 24 tháng 4 năm 2026; Báo cáo thẩm tra số

74/BC-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua danh mục các dự án, công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (đợt 02) năm 2026, gồm:

1. Danh mục 48 dự án, công trình thu hồi đất, với tổng diện tích đất cần thu hồi là 579,09 ha (*Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo*).

2. Danh mục 09 dự án, công trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với 46,478 ha rừng, gồm: 29,85 ha rừng tự nhiên và 16,628 ha rừng trồng (*Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo*).

**Điều 2.** Điều chỉnh diện tích dự án, diện tích thu hồi đất đối với 01 dự án, công trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 (*Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo*).

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết, đồng thời:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành và cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Hội đồng nhân dân tỉnh về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của các hồ sơ, tài liệu pháp lý được phê duyệt, xác nhận, giải quyết theo thẩm quyền; kết quả thẩm định về đối tượng, tiêu chí, căn cứ, số liệu, thông tin đảm bảo thống nhất, chính xác giữa hồ sơ và thực địa đối với các dự án, công trình; báo cáo tiếp thu, giải trình khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chỉ triển khai các dự án, công trình khi đã được rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư, đảm bảo nguyên tắc hạch toán kinh tế xã hội, quản lý, sử dụng vốn đầu tư, đất đai, tài nguyên rừng hiệu quả, tiết kiệm; Quyết định thu hồi đất và quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác sau khi đã đảm bảo đầy đủ các thủ tục, điều kiện theo quy định của Luật Đất đai, Luật Lâm nghiệp, Luật Đầu tư và quy định pháp luật khác có liên quan (về chỉ tiêu sử dụng đất; tiến độ thực hiện dự án; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ có liên quan; xử lý các vi phạm trên đất khi chưa được giao đất, cho thuê đất (nếu có)...); Thực hiện đầy đủ các quy trình bàn giao, quản lý, theo dõi tài sản công khi hoàn thành và đưa công trình, dự án vào khai thác, sử dụng, gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, kiên quyết phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Việc triển khai các dự án đầu tư công thuộc lĩnh vực giao thông phải bảo đảm mục tiêu, phát huy hiệu quả sau đầu tư và kết nối đồng bộ với mạng lưới hạ tầng hiện hữu cũng như quy hoạch phát triển giao thông. Đối với các dự án có khả năng tác động đến phương án tài chính hoặc mục tiêu hoạt động của các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) đang vận hành, Ủy ban nhân dân tỉnh cần chỉ đạo rà soát, đánh giá tác động để bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà

nước, nhà đầu tư và người dân; tạo sự đồng thuận, ổn định, không để phát sinh các tranh chấp, khiếu kiện phức tạp trong quá trình thực hiện.

c) Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các dự án, công trình, đảm bảo các trình tự, thủ tục theo đúng quy định; kiên quyết xử lý, đề xuất hủy bỏ hoặc thu hồi chủ trương các dự án, công trình chậm tiến độ, vi phạm pháp luật, gây lãng phí các nguồn lực đất đai, tài nguyên rừng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, người dân.

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm (tại kỳ họp thường lệ cuối năm) về kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết.

đ) Chỉ đạo rà soát, đánh giá tổng thể việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua trong nhiệm kỳ 2021-2026; báo cáo, đề xuất điều chỉnh, bổ sung đối với các dự án, công trình có điều chỉnh ranh giới, thay đổi diện tích dự án, cơ cấu đất thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng; rà soát tính toán đầy đủ các nghĩa vụ của dự án phải thực hiện theo quy định đối với phần diện tích điều chỉnh (nếu có); đồng thời trình hủy bỏ danh mục các dự án, công trình đã quá 24 tháng không có quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Báo cáo kết quả và trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua. /.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ11.

**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Thị Minh Thanh**

**BIỂU SỐ 01: THÔNG QUA DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH ĐỢT 2 NĂM 2026**



*(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng
<b>Tổng số: 48 công trình, dự án</b>			<b>735,50</b>	<b>579,09</b>	<b>97,21</b>	<b>0,04</b>		<b>283,95</b>	<b>78,95</b>	<b>118,95</b>
1	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ đường Khe Cá đến đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả và hạ tầng kỹ thuật khu vực phía Đông Nam lô đất xây mới Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ phường Hà Tu tại khu Hà Phong 6B, phường Hà Tu	Phường Hà Tu	5,64	5,21	1,46				2,13	1,62
2	Cầu chống ngập Nà Buồng (Đường vào thôn Tiên Hải), thôn Pắc Phai, xã Diên Xá	Xã Diên Xá	1,01	0,69	0,04				0,24	0,41
3	Cải tạo, nâng cấp chống ngập cầu Khe Lẹ 1, thôn Thống Nhất, xã Diên Xá	Xã Diên Xá	0,64	0,62				0,36		0,26
4	Cải tạo mở rộng đường từ cầu tràn Khe Chanh, thôn Tân Lập đến cầu trung tâm Hà Lâu, thôn Bắc Lù, xã Diên Xá (Đoạn 2)	Xã Diên Xá	2,29	0,84	0,11			0,27	0,06	0,40
5	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ thôn Tiên Hải đến cổng trào thôn Tân Lập, xã Diên Xá, tỉnh Quảng Ninh (Giai đoạn 1)	Xã Diên Xá	3,59	2,78				2,04		0,74
6	Chỉnh trang tuyến đường từ đường trục chính vào nhà thờ giáo họ thôn Thìn Thù, xã Quảng Tân	Xã Quảng Tân	0,60	0,24	0,01				0,07	0,16
7	Nâng cấp đường tuyến từ ngã 3 Tài Siệc đến cổng Tênh, bản Siêng Lóng, xã Quảng Tân	Xã Quảng Tân	3,88	1,63				1,60		0,03

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng
8	Bể điều hoà tại khu 7A, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh	Phường Quang Hanh	0,52	0,34				0,34		
9	Khu Tái định cư HT1 khu Bí Giàng, phường Uông Bí	Phường Uông Bí	0,66	0,66	0,60				0,02	0,04
10	Trường THPT chất lượng cao Yên Thanh, phường Uông Bí	Phường Uông Bí	1,47	1,47	1,39					0,08
11	Dự án Khu khai thác đất, đá làm vật liệu san lấp tại phường Trung Vương và phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh)	Phường Vàng Danh	48,66	19,96				19,90		0,06
12	Cụm công nghiệp Hoàn Bô 1	Xã Thống Nhất	72,59	72,59				67,35	0,08	5,16
13	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Đài Van – Đài Xuyên	Đặc khu Vân Đồn	4,99	3,92	0,03			3,87	0,02	
14	Tuyến đường tại khu vực trường Tiểu học, mầm non Thị Trấn Cái Rồng	Đặc khu Vân Đồn	0,65	0,65	0,32				0,04	0,29
15	Bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học và THCS Vạn Yên (Điểm trường Bình Dân)	Đặc khu Vân Đồn	0,85	0,48					0,48	
16	Hạ tầng khu tái định cư Bình Dân, Đặc khu Vân Đồn	Đặc khu Vân Đồn	1,55	1,55	0,14			0,70	0,39	0,32
17	Hạ tầng khu tái định cư Đài Xuyên, Đặc khu Vân Đồn	Đặc khu Vân Đồn	4,41	4,41	3,12			0,92	0,25	0,12
18	Dự án cải tạo, chỉnh trang, kết hợp xử lý các điểm ngập úng và đảm bảo an toàn giao thông tuyến đường khu 7, phường Cao Xanh	Phường Cao Xanh	0,44	0,10						0,10



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng
19	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn từ thôn Lục Ngụ đến thôn Sú Cẩu	Xã Bình Liêu	6,58	4,38	0,20	0,04		1,41	2,24	0,49
20	Cải tạo, nâng cấp đường thôn Nà Chòong	Xã Hoành Mô	3,29	2,50	0,55			1,39	0,40	0,16
21	Cải tạo, nâng cấp đường Bản Sông Móc A	Xã Hoành Mô	2,81	2,20	0,65			0,73	0,60	0,22
22	Cải tạo, nâng cấp đường tràn Ngàn Kheo, thôn Lòong Vải	Xã Hoành Mô	0,98	0,85	0,6				0,15	0,1
23	Cải tạo, nâng cấp đường Nà Pò	Xã Hoành Mô	3,64	2,14	0,21			0,86	0,5	0,57
24	Đường dây 220 Kv Hải Hà - Móng Cái  Trong đó:	Xã: Đường Hoa, Quảng Đức, Quảng Hà, Hải Ninh	4,85	4,85	0,17			4,51	0,08	0,09
		Xã Đường Hoa	1,09	1,09	0,11			0,85	0,08	0,05
		Xã Quảng Đức	1,25	1,25	0,06			1,18		0,01
		Xã Quảng Hà	0,76	0,76				0,75		0,01
		Xã Hải Ninh	1,75	1,75				1,73		0,02
25	Đường từ trục chính vào khu Đầm Buôn, thôn Vĩnh Thực 2, xã Vĩnh Thực	Xã Vĩnh Thực	1,09	1,09	0,34				0,43	0,32
26	Dự án Khai thác mỏ đất, đá làm vật liệu san lấp tại xã Hải Ninh	Xã Hải Ninh	51,46	51,46				51,46		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng
27	Trạm biến áp 220kV Móng Cái	Xã Hải Ninh	5,66	5,25	0,92				4,33	
28	Dự án khai thác hầm lò mở rộng, xuống sâu mỏ Tây Bắc Khe Chàm	Phường Mông Dương	7,56	5,39					4,34	1,05
29	Dự án cải tạo, nâng cấp cảng của Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả (cảng hóa chất - Mông Dương thuộc cụm cảng Mông Dương - Khe Dây)	Phường Mông Dương	12,49	3,29					0,035	3,25
30	Dự án Cải tạo nâng cấp đảm bảo duy trình sản xuất tuyến đường Bắc Cọc Sáu ra cảng Khe Dây	Phường Mông Dương, Cửa Ông	7,98	0,70					0,20	0,50
	Trong đó:	Phường Mông Dương	5,42	0,22						0,22
		Phường Cửa Ông	2,56	0,48					0,2	0,28
31	Bổ sung, nâng cấp trường Mầm non xã Đầm Hà II, xã Đầm Hà	Xã Đầm Hà	0,65	0,40	0,40					
32	Nâng cấp, cải tạo các ngầm tràn phòng chống ngập lụt và chỉnh trang khu dân cư trên trục đường thôn Phú Liễn, xã Lương Minh	Xã Lương Minh	4,99	4,99	0,38				0,76	0,31
33	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Pắc Phe - Ngân Phe	Xã Lục Hồn	4,60	2,20	0,0001				1,53	0,18



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng	
34	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo trường THCS Hiệp Hòa tại khu Kim Lăng, phường Hiệp Hòa, tỉnh Quảng Ninh	Phường Hiệp Hòa	1,52	0,39	0,071					0,14	0,18
35	Chỉnh trang đô thị, cải tạo, nâng cấp tuyến cây xăng Liên Hòa, khu phố Liên Hòa 3, phường Liên Hòa	Phường Liên Hòa	0,35	0,34	0,31						0,03
36	Cụm công nghiệp Quảng Thành	Xã Quảng Đức, Quảng Hà	63,38	63,38	9,84	0,00	0,00	29,85	8,14	15,55	
	Trong đó:	Xã Quảng Đức	61,40	61,40	9,83			29,85	8,00	13,72	
		Xã Quảng Hà	1,98	1,98	0,01				0,14	1,83	
37	Xây dựng tuyến đường nối từ đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả với hạ tầng giao thông khu Cụm công nghiệp Cẩm Thịnh	Phường Cửa Ông	1,48	1,15						1,15	
38	Khu Tái định cư Cửa Lũy tại phường Phong Cốc, tỉnh Quảng Ninh	Phường Phong Cốc	0,18	0,18	0,155					0,025	
39	Nâng cấp, chỉnh trang vỉa hè khu trung tâm (đoạn từ ngã tư Chợ chiều đến cầu thôn 3), xã Quảng Đức	Xã Quảng Đức	1,42	0,03					0,01	0,02	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng	
40	Xây dựng kè bảo vệ bờ sông biên giới tại các khu vực mốc 1344(2) huyện Hải Hà; khu vực cột mốc 1349(2), khu vực cột mốc 1367(2), khu vực cột mốc 1370(1), đập dâng đầu tuyến kè mốc 1348(2) thành phố Móng Cái ( theo đề án 1740/ĐA-BNG-UBBG ngày 06/6/2019 của Bộ Ngoại Giao) Hạng mục: Kè bảo vệ bờ sông biên giới khu vực cột mốc 1344(2)	Xã Quảng Đức	3,20	3,20	0,17					0,28	2,75
41	Xây dựng nút giao kết nối QL 18B với Cao tốc Vân Đồn - Móng Cái	Xã Quảng Đức	17,62	15,06	0,35				7,91	3,176	3,624
42	Đầu tư, xây dựng hạ tầng tạo quỹ đất tái định cư tại các cơ sở nhà đất dôi dư trên địa bàn Phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	Phường Hà Lâm	0,16	0,05							0,05
43	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang đô thị, khắc phục ngập úng tại khu dân cư tổ 4, 5, 8, khu Hà Lâm 5, phường Hà Lâm	Phường Hà Lâm	1,40	0,86						0,23	0,63
44	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang đô thị các tuyến đường khu Cao Thắng 3 và tuyến đường tổ 62 khu Cao Thắng 7, phường Hà Lâm	Phường Hà Lâm	0,47	0,18						0,01	0,17
45	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết hợp xử lý các điểm ngập úng và đảm bảo an toàn giao thông tại tuyến đường tổ 7 khu Hà Lâm 5 và tổ 5, 6 khu Hà Lâm 3, phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	Phường Hà Lâm	0,45	0,45						0,07	0,38
46	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	Phường Mạo Khê	5,13	5,13	3,95					1,00	0,18



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng	
47	Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh (trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh)	Phường: Hoàng Quế, Mạo Khê, Yên Tử, Uông Bí, Hà An, Đông Mai, Tuần Châu	273,13	188,52	70,70				2,25	57,23	58,34
		<i>Phường Hoàng Quế</i>	<i>52,22</i>	<i>52,22</i>	<i>28,02</i>					<i>15,51</i>	<i>8,69</i>
		<i>Phường Mạo Khê</i>	<i>2,89</i>	<i>2,89</i>						<i>2,71</i>	<i>0,18</i>
		<i>Phường Yên Tử</i>	<i>27,62</i>	<i>27,22</i>	<i>14,22</i>					<i>7,70</i>	<i>5,30</i>
		<i>Phường Uông Bí</i>	<i>42,16</i>	<i>42,16</i>	<i>13,81</i>					<i>15,57</i>	<i>12,78</i>
		<i>Phường Hà An</i>	<i>13,19</i>	<i>9,81</i>						<i>6,54</i>	<i>3,27</i>
		<i>Phường Đông Mai</i>	<i>47,21</i>	<i>45,38</i>	<i>14,44</i>				<i>2,25</i>	<i>8,03</i>	<i>20,66</i>
		<i>Phường Tuần Châu</i>	<i>87,84</i>	<i>8,84</i>	<i>0,21</i>					<i>1,17</i>	<i>7,46</i>
48	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 1	Phường Hoàn Bồ, Xã Thống Nhất	92,54	90,34	0,02				75,03		15,29
		<i>Phường Hoàn Bồ</i>	<i>81,43</i>	<i>79,23</i>	<i>0,02</i>				<i>64,38</i>		<i>14,83</i>
		<i>Xã Thống Nhất</i>	<i>11,11</i>	<i>11,11</i>					<i>10,65</i>		<i>0,46</i>

**BIỂU SỐ 02: THÔNG QUA DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH ĐỢT 2 NĂM 2026**



(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích khu vực quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (ha)	Diện tích rừng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (ha)						
					Rừng sản xuất		Rừng phòng hộ		Ngoài quy hoạch ba loại rừng		
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
1	Cải tạo, nâng cấp đường thôn Nà Chòong, xã Hoành Mô, tỉnh Quảng Ninh	Hoành Mô	3,287	3,287		0,657					
2	Cải tạo, nâng cấp đường thôn Nà Pò, xã Hoành Mô, tỉnh Quảng Ninh	Hoành Mô	3,640	3,640		0,640					
3	Cải tạo, nâng cấp đường Bản Sông Móc A, xã Hoành Mô, tỉnh Quảng Ninh	Hoành Mô	2,814	2,814		0,699					
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn từ thôn Lục Ngù đến thôn Sứ Cáo, xã Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	Bình Liêu	6,580	6,580		0,240		0,010			
5	Dự án đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh	Hoàng Quế, Yên Tử, Uông Bí, Đông Mai, Hà An, Tuấn Châu, Mạo Khê	273,130	273,130		3,030			1,440	0,67	
6	Dự án Cụm Công nghiệp Quảng Thành	Quảng Hà, Quảng Đức	63,390	63,390		8,010					
7	Dự án CHd/VT-2025	Vĩnh Thục	3,400	3,400		1,430		0,180			
8	Dự án Trạm biến áp 220kV Móng Cái	Hải Ninh	5,662	5,662		0,382					
9	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 1	Hoành Bồ, Thống Nhất	92,540	90,340	28,410	0,680					
<b>Tổng cộng 09 dự án, công trình</b>				<b>454,443</b>	<b>452,243</b>	<b>28,410</b>	<b>15,768</b>	<b>0,000</b>	<b>0,190</b>	<b>1,440</b>	<b>0,670</b>

**BIỂU SỐ 03: ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH DỰ ÁN, DIỆN TÍCH THU HỒI ĐẤT CỦA CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA**

(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý dự án	Ghi chú	
					Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng			
Tổng số 01 dự án, công trình													
1	Diện tích dự án, diện tích các loại đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 05/7/2019												
	Dự án tuyến đường và hệ thống thoát nước khu dân cư tổ 6 khu 9B	Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long (nay là Phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh)	0,58	0,58						0,03	0,55	(1) Quyết định số 4964/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND thành phố Hạ Long phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; (2) Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố Hạ Long phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.	
Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại như sau:													
	Dự án tuyến đường và hệ thống thoát nước khu dân cư tổ 6 khu 9B	Phường Bãi Cháy	0,35	0,06						0,04	0,02	(1) Quyết định số 4345/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Hạ Long phê duyệt điều chỉnh cục bộ mặt bằng tỷ lệ 1/500; (2) Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố Hạ Long phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. (3) Quyết định số 791/QĐ-STC ngày 24/01/2026 của Sở Tài chính về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, bổ sung chi phí giải phóng mặt bằng dự án	- Điều chỉnh giảm diện tích thực hiện, do điều chỉnh cục bộ mặt bằng tỷ lệ 1/500.

4